

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 02 năm 2024

Năm thứ mười bảy

Mục lục

- Bàn về nội dung công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở địa phương hiện nay 3
Trần Minh Đức, Nguyễn Hoàng Yến
- Dự báo phát thải khí nhà kính ở Việt Nam đến năm 2030 và hàm ý chính sách..... 10
Hồ Trọng Phúc, Trương Tấn Quân, Phạm Xuân Hùng, Hoàng Thị Liễu
- Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định trồng rau VietGAP tại vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung..... 29
Tống Thị Hải Hạnh, Hoàng Hồng Hiệp
- Chất lượng điều hành kinh tế với phát triển hệ thống doanh nghiệp vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung 39
Châu Ngọc Hoè
- Phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp tạo nguồn hàng cho phát triển dịch vụ logistics tại tỉnh Quảng Nam 48
Phan Thị Sông Thương, Hồ Thị Kim Thùy, Nguyễn Hữu Thanh, Nguyễn Tất Trường
- Tác động của trải nghiệm khách hàng trực tuyến đến ý định mua lặp lại của khách hàng tại thành phố Huế 59
Lê Ngọc Anh Vũ
- Tình trạng việc làm của lao động nữ nông thôn huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế 73
Dương Thị Dung Hạnh, Nguyễn Thị Thanh Thảo
- Khám phá mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức và sự gắn kết nhân viên: Nghiên cứu định tính về ngành ngân hàng..... 81
Tô Phước Hải, Trương Minh Ký
- Tình hình xây dựng, trùng tu đình làng xứ Quảng qua các thời kì lịch sử..... 93
Lê Xuân Thông
- Chúa Tiên Nguyễn Hoàng với vùng đất Duy Xuyên..... 105
Ngô Văn Minh
- Tiến trình phát triển, phục dựng và phát huy nghệ thuật Bài Chòi tỉnh Khánh Hòa trong xã hội đương đại 112
Nguyễn Thị Thanh Xuyên, Ngô Đức Chí, Hoàng Thị Thu Hương
- Một số khó khăn, thách thức đặt ra trong phát huy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay 127
Nguyễn Văn Thắng
- Biến đổi cấu trúc gia đình người Chăm Balamôn trong quá trình hội nhập..... 135
Võ Văn Dũng
- Vẻ đẹp thị giác trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương..... 142
Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phạm Văn Hoá

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 02 năm 2024.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 6/2024.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 02, 2024

The 17th Year

Contents

1. Discussing the current legal dissemination and education on environmental protection in localities.....**3**
Tran Minh Duc, Nguyen Hoang Yen
 2. Forecasting greenhouse gas emissions in Vietnam by 2030 and policy implications..... **10**
Ho Trong Phuc, Truong Tan Quan, Pham Xuan Hung, Hoang Thi Lieu
 3. Factors influencing farmers' decisions to adopt VietGAP in vegetable production in the Central key economic region.....**29**
Tong Thi Hai Hanh, Hoang Hong Hiep
 4. The impact of local economic governance quality on the development of the enterprise system in the Central key economic region.....**39**
Chau Ngoc Hoe
 5. Developing economic zones and industrial parks to generate sources of goods for logistics service growth in Quang Nam province**48**
Phan Thi Song Thuong, Ho Thi Kim Thuy, Nguyen Huu Thanh, Nguyen Tat Truong
 6. The impact of online customer experience on customers' repurchase intention in Hue city ...**59**
Le Ngoc Anh Vu
 7. Rural female workers' employment status in Phu Vang district, Thua Thien Hue province.....**73**
Duong Thi Dung Hanh, Nguyen Thi Thanh Thao
 8. The relationship between organizational culture and employee engagement: A qualitative study on the banking industry.....**81**
To Phuoc Hai, Truong Minh Ky
 9. The construction and restoration of communal houses in the Quang region during historical periods.....**93**
Le Xuan Thong
 10. The first Lord Nguyen Hoang and the land of Duy Xuyen..... **105**
Ngo Van Minh
 11. The process of developing, restoring, and promoting the art of Bai Choi in Khanh Hoa province in the contemporary society **112**
Nguyen Thi Thanh Xuyen, Ngo Duc Chi, Hoang Thi Thu Huong
 12. Difficulties and challenges in promoting the will of self-reliance and resilience among ethnic minorities in the current context..... **127**
Nguyen Van Thang
 13. Changes in family structure of Cham Brahman in the integration process **135**
Vo Van Dung
 14. Visual beauty in Ho Xuan Huong's Nom poetry..... **142**
Nguyen Thi Hong Hanh, Pham Van Hoa
-

Một số khó khăn, thách thức đặt ra trong phát huy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay

Nguyễn Văn Thắng

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Email liên hệ: nguyenvanthang.hcma@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết tập trung làm rõ một số khái niệm công cụ liên quan như ý chí, tự lực, tự cường và những khó khăn thách thức trong việc phát huy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay, cụ thể như: điều kiện tự nhiên, phương pháp sản xuất mới, làm việc theo kinh nghiệm, rào cản tâm lí tộc người, sự trông chờ ỉ lại, một số phong tục tập quán không còn phù hợp, kiến thức hạn chế nên tự bằng lòng với thực tại,... của một bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số dẫn tới việc giảm ý chí tự lực tự cường của đồng bào gây khó khăn trong vươn lên phát triển sản xuất và xây dựng đời sống văn hóa mới ở địa phương. Bài viết cũng thảo luận và đề xuất một số giải pháp cơ bản, trọng tâm nhằm giúp đồng bào các dân tộc thiểu số phát huy ý chí tự vươn lên, tự lực, tự cường trong xây dựng đời sống mới hiện nay.

Từ khóa: Khó khăn thách thức, ý chí tự lực tự cường, dân tộc thiểu số.

Difficulties and challenges in promoting the will of self-reliance and resilience among ethnic minorities in the current context

Abstract: The article focuses on clarifying some relevant concepts such as the will, self-reliance and resilience, and challenges in promoting these aspects among people from ethnic minority groups at the present time. It may involve natural conditions, new mode of production, work experience, ethnic psychology, the dependence, some traditional costumes that are no longer suitable for today's society, the lack of knowledge that leads to their satisfaction with reality, etc. within a part of ethnic minorities. These factors, consequently, may cause the decrease of their will to self-reliance and resilience as well as bringing difficulties to their production activities and building their cultural life in their locality. This article also discusses and proposes key solutions that could help those ethnics promote their self-reliance and resilience in building a new life.

Keywords: Difficulties, challenges, the will, self-reliance and resilience, ethnic minorities.

Ngày nhận bài: 22/4/2024 **Ngày phản biện:** 23/4/2024 **Ngày duyệt đăng:** 10/6/2024

1. Đặt vấn đề

Ý chí tự lực, tự cường là truyền thống tốt đẹp, quý báu của dân tộc Việt Nam ta nói chung và các dân tộc thiểu số nói riêng. Những giá trị tốt đẹp ấy đã được hun đúc, trui rèn qua thực tiễn cách mạng và được làm sáng lên trong thực tiễn phát triển đất nước trong suốt quá trình lịch sử của dân tộc Việt Nam. Từ Lý Thường Kiệt với Nam Quốc Sơn Hà; Nguyễn Trãi với Bình Ngô Đại Cáo đến Hồ Chí Minh với Tuyên Ngôn Độc Lập bất hủ luôn cho thấy ý chí tự vươn lên dành độc lập, ý chí tự lực, tự cường của các dân tộc ở Việt Nam.

Tự lực là tự sức mình, với sức lực của bản thân, không nhờ cậy người khác (Hoàng Phê, 2022, 981). Như vậy có thể hiểu, tự lực là tự sức của bản thân mà rộng hơn là tự sức của gia đình, của cộng đồng, của đất nước giải quyết việc của mình mà không phụ thuộc vào sức giúp đỡ của người khác, cộng đồng khác, đất nước khác.

Tự cường là tự làm cho mình ngày một mạnh lên, không chịu thua kém người khác (Hoàng Phê, 2022, 1075). Hiểu rộng ra, tự cường là phải dựa chính vào sức của mình làm cho mình ngày một mạnh lên, cộng đồng ngày một mạnh lên và đất nước ngày một mạnh mẽ hơn.

Ý chí tự lực, tự cường của mỗi tộc người phụ thuộc chính vào ý chí vươn lên thoát khỏi những khó khăn, thử thách của điều kiện tự nhiên, địa bàn cư trú, tổ chức xã hội tộc người, ... để đạt được những thành công về phát triển kinh tế - xã hội, làm giàu cho bản thân, gia đình và cộng đồng của mình, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa cha ông đã để lại. Ý chí đó thường xuyên gặp trở lực, rào cản và bị thử thách bởi nhiều nhân tố khách quan, chủ quan do chính diễn trình phát triển đặt ra. Đôi khi, những khó khăn, thử thách làm bào mòn đến khó khắc phục được tính kiên cường ở mỗi cá nhân, cộng đồng, thậm chí dân tộc trong thời gian dài. Song, với các tộc người ở Việt Nam, một dân tộc luôn đứng trước những khó khăn, thách thức của tự nhiên, giặc ngoại xâm thì bằng ý chí tự lực tự cường luôn vượt qua mọi khó khăn, thử thách và biểu hiện sinh động sau mỗi thử thách ấy bằng lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần vị tha, đùm bọc, yêu thương, chia sẻ và khát vọng vươn lên mạnh mẽ.

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam bao gồm 51/63 đơn vị hành chính cấp tỉnh, 463 đơn vị cấp huyện và 3.434 đơn vị hành chính cấp xã, dân số hơn 14.1 triệu người, chiếm 14.7% dân số Việt Nam, trong đó, có 6 dân tộc thiểu số có dân số trên 01 triệu người (Tày, Thái, Mường, Khmer, Nùng và H'mông); 16 tộc người có dân số dưới 10.000 người (Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cơ Lao, Bố Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Phà Thèn, La Hủ), và 5 tộc người có dân số dưới 1.000 người (Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu), (Phạm Tất Thắng, 2023, 45). Đặc điểm này cho thấy, tuy đa dạng về tộc người, nhóm tộc người song dân số ở các tộc người chênh lệch rất lớn và đây chính là nhóm có tỷ lệ nghèo đói cao nhất, cư trú ở những địa vực khó khăn nhất, thuộc nhóm các tộc người trình độ dân trí thấp, tổ chức xã hội truyền thống còn hiện hữu rõ ràng, đậm nét trong đời sống của họ.

Bài viết áp dụng chủ đạo các phương pháp nghiên cứu gồm: (i) Phương pháp tổng hợp nhằm thu thập và phân tích số liệu đã được các tác giả khác trình bày trong những công bố, báo cáo, ... (ii) Phương pháp điền dã dân tộc học để lắng nghe, thu thập ý kiến từ chính chủ thể mà chúng tôi quan tâm trong bài viết này; (iii) Phương pháp lịch sử để làm rõ những những giá trị văn hóa tộc người trong quá khứ và hiện tại nhằm chỉ ra những khó khăn, bất cập mới xuất hiện làm giảm ý chí tự lực, tự cường của một bộ phận người dân tộc thiểu số hiện nay.

2. Một số khó khăn, thách thức trong phát huy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số

Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam thường cư trú ở những địa bàn khó khăn, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, ở các khu vực nông thôn, ... Theo Phạm Tất Thắng (2023), dân số các dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Bắc có khoảng 7,0 triệu người, Tây Nguyên khoảng 2,2 triệu người, Bắc trung Bộ và Duyên hải miền Trung khoảng 2,1 triệu người, Tây Nam Bộ khoảng 1,3 triệu người, bộ phận còn lại sống rải rác ở các tỉnh/thành phố trên cả nước. Với điều kiện tự nhiên không thuận lợi, giao thông đi lại bị ngăn trở bởi sự chia cắt của núi, sông, suối, địa hình chia cắt mạnh, dân trí thấp, ... đã tạo ra những trở lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội và tiếp cận các nguồn lực xã hội để phát triển. Đây cũng là một nguyên nhân dẫn tới nghèo đói cao, chênh lệch giàu nghèo lớn trong xã hội và đặc biệt là trong bộ phận dân cư mới tới và dân cư đã cư trú lâu đời tại địa phương. Điều này đặt ra cho các cơ quan quản lý một thực trạng hết sức khó khăn trong việc vận động, tuyên truyền nhằm nâng cao ý chí tự lực, tự cường vươn lên trong cuộc sống, đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho toàn thể người dân. Đặc biệt, một bộ phận người của các dân tộc thiểu số có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, thiếu quyết tâm thoát nghèo, thiếu động lực vươn lên làm ăn kinh tế cho gia đình và cộng đồng. Một số khó khăn, thách thức có thể nhận diện cụ thể như:

Một là: Bối cảnh địa lý, địa vực cư trú của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam nói chung đều rất khó khăn. Hoạt động sản xuất theo thói quen qua nhiều thế hệ, nhiều người nhưng kết quả sản xuất không được dư thừa, đôi khi cũng tạo ra tâm lý mệt mỏi, chán nản đối với đồng bào. Nhiều người dân không hiểu tại sao hoạt động sản xuất của họ không đạt kết quả như mong muốn mà hoàn toàn không biết rằng, việc sản xuất không áp dụng khoa học kỹ thuật, phương thức sản xuất mới thì hiệu quả của lao động sẽ rất kém. Chính từ hoạt động được lặp đi lặp lại

nhiều lần, nhiều năm như vậy đã tạo nên một đường mòn tâm lý trong hệ nhận thức của nhiều người, nhiều đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Thêm vào đó, những hiện tượng thời tiết cực đoan như: mưa đá, sương muối, lũ ống, lũ quét, băng tuyết,... ảnh hưởng rất nhiều đến thói quen làm việc liên tục, đúng chu kì, đúng thời gian của người dân. Từ đó, những rãnh tư duy lối mòn, không làm thì mọi vật, mọi sự cũng chưa bị ảnh hưởng và bằng con mắt thực tế của họ, mọi sự vẫn diễn ra như nó vốn tồn tại mà không có sự khác biệt có thể nhìn thấy.

Hai là: Vẫn thiếu sự dẫn dắt, hướng dẫn phương thức sản xuất tốt từ người đi trước, từ mô hình thành công ngay trên chính nơi đồng bào sinh sống. Đa số các dân tộc thiểu số ở nước ta nói chung đều thiếu phương pháp sản xuất tiến tiến, hiện đại, nhất là cách thức thâm canh phù hợp với thổ nhưỡng nơi cư trú trong bối cảnh thực tế sản xuất hiện nay. Do đất đai đã bạc màu bởi việc trồng, tria qua nhiều năm, nhiều thế hệ, cộng với sự tác động của tự nhiên dẫn tới đất không đủ dưỡng chất cho cây trồng, năng suất kém,... Thiếu phương pháp sản xuất phù hợp cộng thêm việc thiếu được sự dẫn dắt, chỉ bảo bởi những người sản xuất thành công đi trước nên người dân bắt đầu nảy sinh tư tưởng mặc kệ, phó mặc, không cần học hỏi hoặc có học hỏi cũng không biết phải làm thế nào cho đúng với điều kiện thực tiễn của mình, của gia đình mình, cộng đồng của mình.

Những mô hình thành công không phù hợp với thực tiễn của từng địa bàn, từng môi trường kinh tế - xã hội cụ thể đã và đang là rào cản tâm lý đối với người dân khi tiếp nhận và triển khai vào thực tiễn đời sống cộng đồng của họ. Đặc biệt, nhiều mô hình dường như thành công đối với nhiều cộng đồng nhưng lại không mang tính phổ quát cho tất cả các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam như: mô hình nhà rông ở Tây Nguyên; mô hình cấp, hỗ trợ đại gia súc cho một số tộc người ít người ở Tây Bắc;... Tất cả những điểm đó cũng góp phần tạo ra tâm lý e ngại, tâm lý phó mặc hoặc có học theo cũng không thành công dẫn được hình thành và tạo lập nên thói quen tâm thức của cộng đồng.

Ba là: Phương thức làm việc theo kinh nghiệm, theo người đi trước là một đặc điểm rõ nét trong toàn bộ đời sống xã hội các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Làm khác cái cũ, không đúng như cái đã diễn ra có thể dẫn tới những hệ lụy bị cả cộng đồng đó chê trách. Từ hoạt động sản xuất mùa vụ, thờ cúng, thực hành nghi lễ, lễ hội, sinh hoạt văn hóa cộng đồng, tổ chức đời sống xã hội,... đến những hoạt động lớn, quan trọng của thôn làng như chuyển làng, lập làng, tiếp nhận những giá trị văn hóa, xã hội mới,... đều làm theo cái đã có, người đi trước. Chúng ta có thể bắt gặp câu nói "làm theo cha ông" "làm theo người ta"... của tuyệt đại đa số người dân được hỏi về phương thức sản xuất, cách thực hiện nghi lễ, lễ hội, trò chơi,...

Đây là hoạt động căn bản góp phần hình thành nên lối mòn tư duy của cộng đồng và chính nó tạo lập thành thói quen không dám nghĩ, không dám làm, không dám tiếp nhận cái mới, cái phù hợp với điều kiện mới trong khi thực tiễn xã hội, môi trường và sinh cảnh đã thay đổi rất nhiều so với trước đây. Thực tế này cũng làm cho tâm thức, ý chí con người họ trở lên phụ thuộc vào quá khứ, phụ thuộc vào người khác mà không kính thích được tinh thần tự lập, tự chủ, tự vươn lên của chính mình và cộng đồng.

Bốn là: Rào cản tâm lý tộc người là yếu tố đã được nhiều nhà nghiên cứu, nhiều công trình công bố ghi nhận và xem đây như là một điểm nghẽn trong tâm thức của nhiều người dân tộc thiểu số để vươn lên thoát nghèo, lạc hậu so với nhiều người khác, tộc người khác. Họ hạn chế giao tiếp với tộc người khác, đặc biệt là những người thành công hơn họ đang là một thực trạng gây ra những rào cản hạn chế tính tự lập, tự cường của người dân. Sự tự ti tộc người, thu mình lại trong vỏ bọc văn hóa truyền thống, vỏ bọc của quá khứ và kinh nghiệm được trao truyền một cách vô thức từ thế hệ này qua thế hệ khác, từ đó dẫn tạo thành bức tường tâm lý ngăn cản họ đến với những điểm khác, cái khác, cái mới trong thực tế xã hội đang diễn ra, nhất là đến với chìa khóa của sự vươn lên trong cuộc sống đó là giao tiếp với thế giới bên

ngoài, giao tiếp với cộng đồng có kiến thức và kỹ năng tốt hơn trong tổ chức đời sống xã hội, phát triển kinh tế, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tộc người phục vụ đời sống.

Rào cản tâm lý ấy không chỉ tồn tại ở từng cá nhân trong cộng đồng mà còn tồn tại cả với nhóm hoặc cả cộng đồng ấy khi thực hiện các hoạt động xã hội. Chúng ta dễ dàng bắt gặp hình ảnh của một hoặc nhiều người thiểu số tương đối co cụm hoặc ngồi riêng rẽ ở các điểm sinh hoạt chung của làng, thôn, bản,... khi các đơn vị hành chính này đã là điểm tụ cư của nhiều tộc người. Điểm này diễn ra bởi nhiều lý do, trong đó nổi bật như: không hiểu ngôn ngữ phổ thông, trình độ hạn chế, nhận thức chưa cao và đặc biệt sự co cụm ấy, tính chất khác biệt ấy còn được nhân lên không phải từ chính bản thân họ, mà bởi chủ thể của những hoạt động đối diện cũng chưa muốn, ít mong đợi sự tham gia của họ trong nhiều hoạt động đời sống, do đó, tâm lý tự ti được nhân lên và dần lan rộng hơn.

Năm là: Tính trông chờ, ỉ lại đã trở thành một trở lực cho việc nêu cao ý chí tự lập, tính tự cường của người dân trong vươn lên làm chủ bản thân, làm chủ đời sống của mình mà không phải trông chờ vào sự giúp đỡ của người khác. Thực tế hiện nay, nhiều cá nhân, hộ gia đình xuất hiện rõ ràng tính trông chờ, ỉ lại vào các hỗ trợ của Nhà nước, từ các chính sách ưu đãi và từ các tổ chức thiện nguyện. Tâm lý “không làm những vẫn có ăn” đã ảnh hưởng rõ ràng tới một bộ phận người dân. Các chính sách xã hội của Nhà nước ta nhằm kích cầu, kích thích sự vươn lên của đồng bào ở đôi chỗ, đôi nơi đã bị hiểu sang giá cạnh khác. Từ chỗ đây là những chính sách kích thích và hỗ trợ người dân gặp khó khăn ở một thời điểm nhất định sang việc cứ trông chờ vào sự cứu giúp đó để sống và sinh hoạt với suy nghĩ mình khó khăn, mình khổ và sẽ có giúp đỡ mà không muốn làm việc, không muốn vươn lên tự bản thân, gia đình, cộng đồng lao động sản xuất.

Trong hoạt động thực tiễn cần “cho cần câu, không cho cá”, mới là giải pháp cho vấn đề này, cụ thể như: phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở nhằm tạo sự kết nối, giao thương giữa các vùng khó khăn với khu vực thuận lợi, phá bỏ rào cản địa lý tạo hành lang thông thoáng trong vận chuyển hàng hóa, gia tăng thương mại. Tăng cường, hỗ trợ cho hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở nhằm thúc đẩy việc nâng cao nhận thức của người dân về ý chí vươn lên, tự chủ, tự cường trong hoạt động của bản thân, gia đình, cộng đồng. Tuyên truyền chủ trương của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước bằng hình thức phù hợp, tránh hình thức, nội dung không đúng, không sát, không phù hợp với văn hóa truyền thống của đồng bào. Như vậy, các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến với đồng bào một cách tốt nhất, qua đó, nâng cao ý chí vươn lên của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và dần loại bỏ tính trông chờ, ỉ lại vào sự hỗ trợ, giúp đỡ.

Sáu là: Một số phong tục, tập quán, kiêng kỵ,... có tác động đến tâm lý vượt khó của đồng bào các dân tộc thiểu số đã và vẫn đang diễn ra trong thực tế đời sống xã hội, chẳng hạn như: việc uống quá nhiều rượu ở một bộ phận người dân (người Mảng, người H'mông, người Kháng, người Ba Na, người Xơ đăng,...) đang bào mòn sức khỏe lao động của họ, của cộng đồng trong sản xuất, làm tiêu phí thời gian tổ chức đời sống xã hội;... việc một số nhóm tộc người ở Tây Nguyên trước đây đặc biệt là vùng sâu, vùng xa vẫn kiêng bón phân cho cây trồng với quan niệm sẽ làm bẩn cây; tập quán chăn nuôi đại gia súc (trâu) chỉ làm vật hiến tế, nuôi dê, bò để thực hiện các nghi lễ mà không phải là sản phẩm thương mại, sản phẩm nông nghiệp,... đã làm ảnh hưởng đến việc trao đổi, phát triển kinh tế hộ gia đình qua đó làm gia tăng tính tự giác vươn lên nuôi, trồng cây, con để làm kinh tế.

Tâm lý “mùa ăn năm, uống tháng” vẫn còn hiện hữu trong một bộ phận người dân của nhiều dân tộc thiểu số ở Việt Nam, đặc biệt là ở vùng núi khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền Nam, nơi bị chi phối bởi điều kiện khí hậu một năm có hai mùa nắng, mưa. Vào mùa mưa, người dân gặp khó khăn trong việc làm nương, rẫy, đi lại,... do đó, những buổi tụ tập, những cuộc vui bên cạnh chén rượu liên tục được diễn ra từ nhà này sang nhà khác, từ nhóm này sang nhóm khác,... như thế cuộc vui cứ kéo dài và hình thành tâm lý “mùa ăn năm, uống

tháng” ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lí lao động của từng cá nhân và cả cộng đồng, tinh thần vươn lên, tự lực tự cường của đồng bào.

Bảy là: Kiến thức hạn chế dẫn đến nhận thức bằng lòng với thực tại, không muốn vươn lên, không muốn nỗ lực vượt khó bởi tâm lí cho rằng “có cố gắng cũng không hơn lên được”. Trong thực tế, đại bộ phận các hộ nghèo, các hộ khó khăn thường rơi vào các hộ gia đình ít được đi học hoặc bỏ ngang khi đang đi học, thậm chí mù chữ. Do đó, họ rơi vào tình trạng làm việc theo kinh nghiệm và theo sự chỉ bảo của người khác chứ hoàn toàn không làm chủ được mong muốn của mình, công việc của chính bản thân mình. Cũng do kiến thức hạn chế, nên họ luôn gặp khó trong tổ chức công việc, phát kiến ra những điểm mới, vượt qua những định kiến của bản thân, gia đình và cộng đồng để vươn lên thoát nghèo, thoát khó khăn, họ khó hoặc không thể áp dụng khoa học kĩ thuật vào sản xuất và tổ chức hoạt động công việc của gia đình. Vòng tròn luẩn quẩn tiếp diễn xoay quanh kiến thức hạn chế, không thể tổ chức đời sống cá nhân, gia đình tốt dẫn đến phụ thuộc vào người khác, cộng đồng và tiếp tục nghèo đói,...

Từ kiến thức hạn chế dẫn đến nhận thức bằng lòng với thực tại, bởi dường như bằng kiến thức hạn chế của mình, họ nhận thức rằng: mọi việc như vậy là đủ, con người có số phận, nên cố gắng cũng chẳng đem lại thành công, người khác giàu có, khá giả là do gia đình tổ tiên phù hộ,... chứ hoàn toàn không nhận thức được sự nỗ lực, cố gắng của mỗi con người mới đem lại cho họ sự tiến bộ và giàu mạnh. Và cũng từ đây, dẫn đến tâm lí hài lòng, bằng lòng với thực tại của bản thân và gia đình mình, không muốn thậm chí không cần cố gắng do chính kiến thức hạn chế của mình gói chặt tâm thức tự vươn lên, tự cường cho mình và gia đình.

Tám là: Tâm lí cộng đồng, đám đông ảnh hưởng trực tiếp tới ý thức tự lực, tự cường của dân tộc thiểu số. Tâm lí cả cộng đồng đều như mình, giống mình luôn bao trùm lên toàn bộ không gian sinh tồn của thôn, làng, bản,... làm ảnh hưởng sâu sắc tới ý chí của người dân, đặc biệt là những người có tư duy muốn vượt khó để đạt được những giá trị bản thân, gia đình và cộng đồng.

Chúng ta có thể bắt gặp rất nhiều nhóm thanh niên, nhóm trung niên thậm chí là nhóm phụ nữ,... ngồi uống rượu cả buổi hoặc cả ngày ở một gia đình nào đó, một điểm nào đó mà không cần lý do cụ thể. Nếu những người trong nhóm đó muốn rời đi làm việc khác thì nhận được những lời xì xào của chính cộng đồng đó như: không nhiệt tình, cá nhân, không vì nhóm, vì anh em,... và, đôi khi trong thực tiễn là nếu những người ấy khi gia đình có việc như lễ cưới, đám tang, đổi công mùa vụ,... thì đôi khi lại không nhận được sự nhiệt thành của các thành viên trong cộng đồng tham gia.

Không gian tâm lý ấy cứ bao trùm lên toàn bộ các hoạt động của thôn, làng, bản,... làm cho những cá nhân muốn thoát khỏi sự ràng buộc vô hình ấy luôn phải cân nhắc suy nghĩ cẩn trọng trước khi hành động. Sự khó khăn bật ra khỏi không gian chung cộng đồng ấy của bất kì thành viên nào cũng có thể đem lại cho họ và gia đình những đánh giá, nhận xét không mong muốn, và như vậy, họ ngày càng khó khăn để rời khỏi cái tâm lí cộng đồng, chủ kiến đám đông. Rõ ràng, tâm lí cộng đồng, đám đông tích cực là rất có lợi cho thôn làng trong đời sống, nhưng những điểm tâm lý trái chiều đang là rào cản, đang là trở lực vô cùng lớn để mỗi cá nhân có thể vượt ra, vươn lên tự chủ, tự cường, làm chủ chính bản thân mình trong cuộc sống.

Chín là: Hạn chế tự thân trong tiếp cận nguồn lực xã hội đang là điểm góp phần tạo ra tính kém chủ động, ỉ lại, trông chờ sự giúp đỡ của người khác. Hạn chế trong giao tiếp do rào cản ngôn ngữ; hạn chế trong nhận thức do trình độ dân trí thấp; hạn chế trong hiểu biết chính sách pháp luật của Nhà nước do không biết chữ hoặc tự diễn nghĩa văn bản chưa đúng gây ra khó hiểu hoặc không hiểu; cũng hạn chế về nhận thức dẫn đến đến không tiếp thu được khoa học kĩ thuật vào sản xuất, không áp dụng được các mô hình làm ăn tốt, đúng với thực tế địa phương nơi mình sinh sống; và điều quan trọng nhất chính là không hiểu hết được giá trị văn hóa cha ông, từ đó phát huy giá trị ấy trong thực tiễn biến thành nguồn lực cho phát triển

kinh tế - xã hội để tự vươn lên, tự làm giàu cho mình, gia đình bằng chính vốn văn hóa của cha ông để lại.

Mười là: Ảnh hưởng từ việc lôi kéo, kích động từ những đối tượng xấu. Thực tế nhận thấy, đã có nhiều trường hợp người thiểu số bị kích động, lôi kéo thậm chí làm ngược lại những chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước nhằm tạo nên điểm chú ý, điểm nóng tạo cơ để được quan tâm nhiều hơn, hỗ trợ đáp ứng nhu cầu của họ mà không chịu tham gia lao động sản xuất tạo giá trị bản thân và thoát nghèo. Hiện nay, đất nước ta còn nhiều khó khăn, nhiều vùng dân tộc thiểu số đang cần hỗ trợ, cần những mạnh thường quân chung tay cùng Đảng và Nhà nước trong giúp đỡ đồng bào từng bước phát triển đi lên, cải thiện chất lượng cuộc sống. Song, nguồn lực của đất nước còn có hạn nên việc đầu tư trọng điểm, đầu tư có chọn lọc là tất yếu nhằm mục tiêu không địa phương nào, người dân nào bị bỏ lại phía sau. Tuy nhiên, trong hoạt động thực tiễn, nhiều kẻ xấu lợi dụng điều kiện người dân còn khó khăn, nhận thức còn hạn chế, đời sống còn nhiều thử thách mà cố tình khoét sâu vào những điểm này, từ đó, kích động tính dân tộc hẹp hòi, tính vị kỉ, so sánh hơn kém, so sánh điểm, vùng tộc người trong nhận được hỗ trợ của Đảng và Nhà nước ta,... gây ra những hiểu lầm, hiểu sai, mâu thuẫn trong nội bộ tộc người, tộc người với tộc người và tộc người với Nhà nước, với Đảng. Những hành động đó có âm mưu trục lợi từ sự khó khăn, sự đói khổ của người dân mà không giúp cộng đồng tự chủ, tự cường vươn lên. Đây là điểm chúng ta cần đặc biệt chú ý trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc nhằm loại bỏ những đối tượng thực hiện hoạt động kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc và làm kim hãm ý chí vươn lên, tinh thần tự chủ, tự cường của người dân trong xây dựng đời sống.

3. Một số giải pháp, khuyến nghị

3.1. Nhóm các giải pháp về cơ chế, chính sách

Cần thiết phải xây dựng hành lang pháp lý thông thoáng để các đơn vị, doanh nghiệp có thể hỗ trợ được đồng bào dân tộc thiểu số trong hoạt động sản xuất, góp sức vào hoạt động xóa bỏ tự ti, giúp cộng đồng từng bước tự tin và tham gia chủ động vào mọi sinh hoạt của đời sống xã hội ở địa phương. Tăng cường giáo dục, hỗ trợ giáo dục và ưu tiên giáo dục đối với đồng bào dân tộc thiểu số, phải xem đây là giải pháp căn cơ cho việc phá bỏ định kiến, giúp mọi người tự tin trong sinh hoạt xã hội, không tự ti để vươn lên làm chủ bản thân, tự lực, tự cường. Xem xét gắn trách nhiệm cá nhân thuộc chính quyền cơ sở trong việc hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số bằng công việc thực chứng theo hướng mỗi cán bộ phụ trách tuyên truyền cho một vài hộ gia đình về định hướng, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước bằng hình thức đơn giản, hiệu quả. Qua đó, nắm bắt tâm tư tình cảm của người dân giúp họ nhanh chóng xóa bỏ mặc cảm người dân – cán bộ, xóa bỏ tính tự ti, xóa bỏ khoảng cách giữa người quản lý và người chịu sự quản lý. Việc làm như vậy là con đường nhanh nhất để cộng đồng các đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao nhận thức, thúc đẩy ý chí tự cường của mình và gia đình. Cần có chính sách khen thưởng, biểu dương thực chất, kịp thời nhằm tuyên dương những cá nhân tiêu biểu, cũng như động viên tinh thần để họ thực hiện công việc tốt hơn ở những năm tới. Bên cạnh đó, việc khen thưởng cũng là tấm gương cho cá nhân, cộng đồng khác nhìn thấy sự cố gắng vượt khó, vượt khổ để noi theo, kích thích động lực phấn đấu cho họ. Tuy nhiên, cần nghiêm túc tránh việc khen thưởng, động viên theo dạng hình thức, chiếu lệ, qua loa, đại khái. Nếu thực hiện tốt chính sách này, sẽ đem lại hiệu quả tích cực và có sức lan tỏa trong cộng đồng. Bên cạnh đó, cần chú trọng tính đặc thù từng vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc; xây dựng chính sách thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế-xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững,...

3.2. Nhóm giải pháp về kinh tế

Kinh tế là một trong những điều kiện tiên quyết giúp người dân phát huy được hết khả năng của mình, tự lực, tự cường vươn lên cống hiến cho các hoạt động của bản thân, gia đình và cộng đồng. Tiếp tục thực hiện đúng, nghiêm túc các chính sách đang được thực thi ở các địa

phương, đặc biệt phải lồng ghép vào các chương trình của Đảng và Nhà nước ta như: Chương trình 135; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 theo quyết định 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình 30a,... qua đó làm bệ đỡ, kích cầu, xóa tan thói ỉ lại, thói phụ thuộc vào sự giúp đỡ, hỗ trợ của Nhà nước.

Bên cạnh đó, nên xem xét một số hình thức hỗ trợ cho nhóm hộ nghèo, hộ đặc biệt khó khăn một số hỗ trợ đặc thù như:

- 1/ Cho vay với lãi suất 0% trong 12 hoặc 24 tháng để tạo điều kiện sản xuất;
- 2/ Cho mượn con giống bố mẹ để chăn nuôi, khi con giống mẹ đẻ con thì nghé, bê con,... thuộc quyền sở hữu của gia đình đó. Ở giải pháp này cần đặc biệt nghiên cứu sự phù hợp về văn hóa với tập quán chăn nuôi của người dân được hỗ trợ;
- 3/ Hỗ trợ một phần chi phí mua cây, con giống,...
- 4/ Hướng dẫn kỹ thuật cụ thể, nên xem xét việc mỗi cán bộ nông nghiệp cấp cơ sở, cấp huyện tham gia giúp đỡ một số hộ trong thực hiện sản xuất hộ gia đình;...

3.3. Nhóm giải pháp về văn hóa - xã hội

Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đã và đang có rất nhiều các chính sách cụ thể quan tâm đến đời sống văn hóa, xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số như: chương trình Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; Ngày đại đoàn kết toàn dân,... Thông qua những hoạt động này kết hợp tuyên truyền chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc phát huy tinh thần tự lực, tự chủ của đồng bào, khơi dậy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám hành động, bỏ qua mặc cảm, tự ti, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của tộc người, lấy đó làm sức mạnh nội tại để vươn lên.

Thực hiện các sinh hoạt văn hóa truyền thống lành mạnh, xây dựng đội, nhóm, tổ sản xuất,... để biến những thời gian rảnh rỗi thành thời điểm sinh hoạt trao đổi về kiến thức, bảo tồn và lưu giữ giá trị văn hóa. Qua đó, xóa tan sự tự ti, mặc cảm bản thân, tộc người để mọi người tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, giao lưu và làm giàu thêm kiến thức cho bản thân, cho gia đình và cộng đồng của họ. Cần thiết nâng cao trình độ cho người dân các vùng khó khăn bằng cách thường xuyên tập huấn phổ biến kiến thức pháp luật của Nhà nước, những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới,... Đó là những kiến thức kinh tế mới chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, tình hình biến động của thị trường,... để người dân nắm rõ, tránh sự lúng túng. Trang bị cho các già làng, người có uy tín, trưởng bản,... kiến thức tổng quát về tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng,... nhằm làm tăng thêm hiểu biết của các già làng về các lĩnh vực để họ trao đổi lại với người dân trong cộng đồng của mình góp phần làm giảm sự tự ti, tăng ý chí vươn lên, chủ động, tự lực, tự cường của đồng bào.

3.4. Nhóm giải pháp cộng đồng

Việc làm chuyển biến nhận thức, hành vi, thái độ ứng xử của cộng đồng với những người dám nghĩ, dám làm là rất quan trọng. Điều đó cho thấy, vai trò, vị trí của những việc, những người mà chúng ta muốn tôn vinh họ, chúng ta thường có những giải thưởng, phần thưởng dành cho người khó khăn, hoàn cảnh, những hoạt động cứu trợ, hỗ trợ đối với những cộng đồng gặp khó để họ vươn lên trong cuộc sống, song, cũng cần có những phần thưởng tôn vinh kịp thời dành cho những cá nhân, cộng đồng vượt qua chính thử thách của bản thân mình, vượt khó để vươn lên. Đặc biệt là những cá nhân, cộng đồng xóa bỏ được mặc cảm, tự ti, rào cản của phong tục tập quán,... để làm được việc tốt, điều thiện góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, chúng mình được tính độc lập tự chủ, tự cường của bản thân, gia đình và cộng đồng, đóng góp cho buôn làng, xã hội. Để làm được điều này đòi hỏi phải tăng cường giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao trình độ nhận thức của người dân thông qua giao việc, trao niềm tin và gửi gắm sự tin tưởng của chúng ta đối với những hạt nhân là người thiểu số. Đồng thời, tuyên truyền cho lớp trẻ về ý thức tự lực, tự cường của cá nhân, cộng đồng trong xã hội nhằm thực thi các hoạt động kinh tế hộ gia đình, bảo tồn văn hóa tộc người, giữ gìn trật tự an ninh thôn làng...

4. Kết luận

Phát huy ý chí tự lực, tự cường của các đồng bào dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay nhằm củng cố và phát triển kinh tế xã hội là hết sức quan trọng và cần thiết, góp phần thực hiện tốt chủ trương của Đảng trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, nhất là chủ trương không để ai ở lại phía sau trong quá trình phát triển đất nước. Khẩu hiệu “Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển” của Đại hội XIII cũng hàm ẩn rõ ràng, điểm nhấn này thông qua cụm từ “giúp nhau cùng phát triển”. Giúp nhau, đồng hành cùng nhau không chỉ ở việc tổ chức đời sống, phát triển kinh tế xã hội mà còn cả ở việc giúp nhau xóa bỏ mặc cảm cá nhân, mặc cảm tộc người, cộng đồng để cùng vươn lên trong cuộc sống, chủ động, tự lực, tự cường, tự làm chủ cuộc sống của mình, của gia đình và cộng đồng mình. Với các điểm nghẽn đã được chỉ ra và các giải pháp được đề xuất nhằm từng bước tháo gỡ khó khăn, thử thách góp phần giúp đồng bào dân tộc thiểu số đánh giá, nhận thức và thực hiện từng bước điều chỉnh hành vi tự vươn lên làm chủ bản thân, vượt qua trở lực để làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội.

Tài liệu tham khảo

Hoàng Phê (Chủ biên) (2022). *Từ điển Tiếng Việt*. Viện Ngôn Ngữ học. Hà Nội.

Hoàng Thu (2017). Phát huy vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản trên quê hương cách mạng Tây Bắc. *Tạp chí Dân tộc học*, số 197-8/2017. Hà Nội.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018). *Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam*. Nxb Lý luận chính trị. Hà Nội.

Nguyễn Văn Thắng (2020). Ảnh hưởng của phong tục tập quán đến công tác quản lí nhà nước cấp cơ sở ở Tây Nguyên hiện nay. Trong sách *Về quan hệ tộc người ở Việt Nam hiện nay*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.

Nguyễn Văn Thắng (Chủ biên) (2021). *Vai trò của Già làng và Người có uy tín trong phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số tỉnh Bình Phước*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.

Phạm Tất Thắng (2023). *Đổi mới nội dung, phương thức vận động nhằm phát huy tính tích cực, ý chí tự lực tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói giảm nghèo bền vững*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ năm 2023, mã số: KHBD (2021)-43, tr.45.

Võ Văn Phương (2016). Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền trong đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên hiện nay. *Tạp chí Tuyên giáo*. Hà Nội.